

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành danh mục các vị trí công tác
phải định kỳ chuyển đổi trong các lĩnh vực quản lý nhà nước
thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác với cán bộ, công chức, viên chức;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Danh mục các vị trí công tác phải thực hiện định kỳ chuyển đổi đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, bao gồm:

1. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

1.1. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, đề án thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, đình chỉ hoạt động, giải thể các Trường cao đẳng, Trường trung cấp lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và Trung tâm giáo dục nghề nghiệp; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, đề án thành lập, cho phép thành lập phân hiệu, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường cao đẳng, trường trung cấp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

1.2. Tiếp nhận, trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

1.3. Quản lý, cấp phát các loại văn bằng, chứng chỉ về giáo dục nghề nghiệp; chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

1.4. Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ trình cấp có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

1.5. Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ trình cấp có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

1.6. Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ công nhận văn bằng chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp do cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài cấp và công nhận tương đương đối với người tốt nghiệp các trình độ đào tạo nghề nghiệp ở nước ngoài.

1.7. Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ trình cấp có thẩm quyền cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia.

1.8. Quản lý, cấp phát chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

1.9. Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ trình cấp có thẩm quyền, thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

1.10. Quản lý, thực hiện đấu thầu các dự án đầu tư về giáo dục nghề nghiệp.

2. Lĩnh vực lao động và việc làm, an toàn lao động

2.1. Tiếp nhận hồ sơ thẩm định điều kiện, thủ tục thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động của tổ chức dịch vụ việc làm.

2.2. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn và thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho các doanh nghiệp.

2.3. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài, cấp giấy phép lao động, cấp lại giấy phép lao động và xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài vào làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2.4. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký hợp đồng cung ứng lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, hồ sơ báo cáo đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu của các nhà tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài, hồ sơ đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề và hồ sơ đăng ký hợp đồng cá nhân.

2.5. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp giấy phép lao động, cấp lại giấy phép lao động và gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài vào làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức tại Việt Nam.

2.6. Tiếp nhận hồ sơ và thực hiện kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

2.7. Tiếp nhận hồ sơ và thực hiện kiểm tra chất lượng các sản phẩm hàng hóa đặc thù thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.8. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

2.9. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp chứng chỉ kiểm định viên, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

2.10. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động.

2.11. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận về huấn luyện An toàn, vệ sinh lao động.

2.12. Tiếp nhận, cấp giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động (các tổ chức sự nghiệp nhà nước).

3. Lĩnh vực người có công

3.1. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ giám định, giám định lại thương tật, hồ sơ xác nhận các đối tượng người có công, hồ sơ cấp lại, đổi bằng Tổ quốc ghi công.

3.2. Tiếp nhận, thẩm định giải quyết trợ cấp, phụ cấp và các chế độ khác đối với người có công.

3.3. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đưa thương binh, bệnh binh và đối tượng người có công khác vào, ra các cơ sở điều dưỡng người có công.

4. Lĩnh vực bảo trợ xã hội

4.1. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ thành lập, giải thể các cơ sở bảo trợ xã hội, hồ sơ đề nghị kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, hồ sơ đề nghị tiếp nhận vào các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.

4.2. Tiếp nhận, thẩm định, xét đề nghị công nhận xã nghèo, xã bãi ngang ven biển; xét, xếp loại công nhận hộ nghèo.

4.3. Xét đề nghị mức trợ cấp, trợ giúp cho gia đình, cá nhân nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và cho đối tượng được nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội.

4.4. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ thành lập, giải thể các cơ sở chữa trị, cai nghiện ma túy bắt buộc, cai nghiện tự nguyện; thẩm định cấp, gia hạn thu hồi, giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy cho các cơ sở tự nguyện.

Điều 2. Thời hạn định kỳ chuyển đổi.

Thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là từ 02 năm (đủ 24 tháng) đến 05 năm (đủ 60 tháng).

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội

1.1. Căn cứ Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ: Quy định danh mục các vị trí công tác phải thực hiện định kỳ chuyển đổi ban hành theo Quyết định này và Quy định danh mục do các Bộ, ngành khác quy định. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện, kiểm tra việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong nội bộ đơn vị đối với công chức, viên chức theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định đó.

1.2. Báo cáo Bộ (qua Vụ Tổ chức cán bộ) kết quả thực hiện việc định kỳ chuyển đổi các vị trí công tác trong ngành Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 01 tháng 11 hàng năm để tổng hợp báo cáo Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan.

2. Trách nhiệm của Vụ Tổ chức cán bộ

2.1. Xây dựng, trình Bộ ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác giữa các đơn vị thuộc Bộ.

2.2. Đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp theo dõi việc thực hiện Kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác của các đơn vị thuộc Bộ, ngành.

2.3. Tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội trong quá trình thực hiện; đề xuất, báo cáo Bộ trưởng xem xét, giải quyết.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Thay thế Quyết định số 98/QĐ-LĐTBXH ngày 16/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục các vị trí công tác phải thực hiện định kỳ chuyển đổi trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và công chức, viên chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thanh tra Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cơ quan TW của Đảng, các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Sở LĐTBXH;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TCCB.

BỘ TRƯỞNG



Đào Ngọc Dung